

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 9 - 2020
“V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh Ng, sinh năm: 2002 (có mặt).

Cư trú: Ấp 1, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Thiên Ph, sinh năm: 1990 (có mặt).

Cư trú: Ấp 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị An K, sinh năm: 1970 (có mặt)

Cư trú: Ấp 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Hà Thị Ng, sinh năm: 1975 (có mặt)

Cư trú: Ấp 1, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1974 (có mặt)

Cư trú: Ấp 1, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Thanh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Lê Thiên Ph có tổ chức đám cưới và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nguyên nhân không đăng ký là do thời điểm tổ chức đám cưới chị Ngân chưa đủ tuổi kết hôn nên không đăng ký được. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều mâu thuẫn, anh Ph không quan tâm đến chị Ng, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh chị Ng nhiều lần, anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị Ng yêu cầu xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về vàng cưới, lúc đám cưới mẹ chồng có cho 06 chỉ vàng 24K, toàn bộ vàng này là nữ trang cho riêng chị Ng và trong quá trình sống chung mẹ chồng có lấy lại tấm lắc tay 02 chỉ vàng 24K, còn lại 04 chỉ, tuy nhiên đây là vàng cho riêng nên chị Ng không đồng ý phân chia.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Thiên Ph trình bày:

Anh Ph thống nhất với lời trình bày của chị Ng về việc vợ chồng được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì thời điểm đó chị Ng không đủ tuổi đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì, chỉ là mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, sau đó chị Ng về nhà mẹ ruột sống cho đến nay thì không về nữa, anh chị không còn sống chung với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Nay chị Ng yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Ph thống nhất với vợ là vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, tuy nhiên lúc đám cưới mẹ anh Ph là bà Lê Thị An K có cho chị Ng tổng số 06 chỉ vàng 24K, bao gồm Kiềng vàng, đeo bông, lắc tay, anh không nhớ rõ cụ thể từng loại là bao nhiêu vàng. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung mẹ anh có lấy lại 02 chỉ, còn lại 04 chỉ vàng 24K, lúc vợ bỏ đi thì có đem theo số vàng này. Nay vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, anh Ph yêu cầu lấy lại 03 chỉ vàng 24K, còn 01 chỉ vàng anh đồng ý giao cho vợ. Đây là số vàng cho riêng vợ nhưng mục đích là để vợ chồng làm ăn, nếu không sống chung được thì phải trả lại cho anh.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị An K trình bày: Bà là mẹ ruột Lê Thiên Ph, bà thống nhất với lời trình bày của anh Ph về số vàng cưới, lúc đám cưới bà có đứng ra cho con dâu là Thanh Ng 06 chỉ vàng 24K, toàn bộ là vàng nữ trang, trong đó kiềng là 03 chỉ, tám lắc 02 chỉ, bông tay là 01 chỉ vàng 24K, do tám lắc bị hư nên bà lấy lại đi sửa hiện nay bà đang giữ số vàng này. Hiện còn 04 chỉ con dâu bà đang quản lý, nay bà thống nhất với ý kiến của anh Ph là lấy lại 03 chỉ vàng cho anh Ph để lấy vợ. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người làm chứng Phạm Văn L trình bày: Ông là cha ruột của chị Ng, lúc đám cưới thì gia đình bên anh Ph có cho con gái ông là chị Ng 06 chỉ vàng 24K (loại 9999). Lúc đám nói thì cho 01 đôi bông 01 chỉ, đến đám cưới thì cho thêm 05 chỉ. Khi cho thì nói là cho dâu không phải cho vợ chồng. Khi về làm dâu thì chị con gái ông chịu nhiều thiệt thòi và bà K cũng đã lấy lại tám lắc 02 chỉ. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Người làm chứng Hà Thị Ngן trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Phạm Thị Thanh Ng, bà thống nhất với lời trình bày của ông L về số vàng cưới. Số vàng này là cho riêng con gái bà nên bà cùng ý kiến với con gái bà là không trả lại số vàng này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ng và anh Ph. Về con chung: không có, nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị Ng được sở hữu 03 chỉ vàng 24K (loại 9999), anh Ph được sở hữu 03 chỉ vàng 24K (loại 9999). Chị Ng có trách nhiệm giao lại cho anh Ph 01 chỉ vàng 24K (loại 9999), bà K có trách nhiệm giao lại cho anh Ph 02 chỉ vàng 24K (loại 9999). Về nợ chung: không có, nên không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh Ng yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh Ng thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh Ng và anh Lê Thiên Ph tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa chị Ng vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Nhận thấy chị Ng và anh Ph đã có thời gian mâu thuẫn và ly thân kéo dài từ năm 2019 cho đến nay, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ng và anh Ph theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Ng và anh Ph xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất tài sản chung của vợ chồng là nữ trang ngày cưới gồm 06 chỉ vàng 24K (loại 9999). Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia đôi nên hội đồng xét xử ghi nhận. Hiện tại chị Ng đang giữ 04 chỉ vàng 24K (loại 9999) nên buộc chị Ng có trách nhiệm giao trả lại cho anh Ph 01 chỉ vàng 24K (loại 9999). Bà Lê Thị An K là mẹ anh Ph hiện đang giữ 02 chỉ vàng 24K (loại 9999), bà K thống nhất giao lại cho anh Ph 02 chỉ vàng 24K (loại 9999) và anh Ph cũng thống nhất nhận lại 02 chỉ vàng 24K (loại 9999) từ bà K.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn Phạm Thị Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Án phí chia tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh Ng và anh Lê Thiên Ph mỗi người phải nộp 795.000^d (bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) .

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thanh Ng và anh Lê Thiên Ph.

Về con chung: Chị Ng và anh Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh Ng được sở hữu 03 chỉ vàng 24K (loại 9999), anh Lê Thiên Ph được sở hữu 03 chỉ vàng 24K (loại 9999). Chị Phạm Thị Thanh Ng có trách nhiệm giao lại cho anh Lê Thiên Ph 01 chỉ vàng 24K (loại 9999), bà Lê Thị An K có trách nhiệm giao lại cho anh Lê Thiên Ph 02 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Về nợ chung: Chị Ng và anh Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0001811 phiếu lập ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Án phí chia tài sản chung:

Chị Phạm Thị Thanh Ng phải nộp 795.000^d (bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lê Thiên Ph phải nộp 795.000^d (bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng), anh Phú đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001906 phiếu lập ngày 13/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Như vậy anh Phú còn phải nộp thêm 475.000^d (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thành Đồng